

CHIẾN TRANH KHÔNG CÓ MỘT KHUÔN MẶT PHỤ NỮ CỦA SVETLANA ALEXIEVICH VÀ VẤN ĐỀ TỰ SỰ VỀ CHIẾN TRANH CỦA NỮ GIỚI

Võ Nguyễn Bích Duyên*

Trường Đại học Phú Yên

Ngày nhận bài: 28/11/2019; Ngày nhận đăng: 10/02/2020

Tóm tắt

Chiến tranh không có một khuôn mặt phụ nữ của Svetlana Alexievich là tự sự phi hư cấu về chiến tranh. Từ góc nhìn và lời thuật kể của một tập thể tự sự là nữ giới, Svetlana Alexievich khai mở cho người đọc một cuộc chiến tranh của riêng giới nữ. Quá trình tự sự của những chủ thể tự sự này trong tác phẩm, từ tác giả đến những người lính nữ, đã phải đối diện với nhiều trở lực mà việc bước qua những trở lực đó đòi hỏi sự dũng cảm, kiên trì ở một mức độ đặc biệt. Và chính sự lựa chọn chiến lược tự sự mang đậm tính chất nữ quyền luận của tác giả đã tạo nên một cường lực góp phần giải trung tâm địa vị của nam giới trong địa hạt văn học về chiến tranh.

Từ khóa: *tự sự, chiến tranh, nữ giới, Chiến tranh không có một khuôn mặt phụ nữ, Svetlana Alexievich*

1. Đặt vấn đề

Năm 2015, *Chiến tranh không có một khuôn mặt phụ nữ* của Svetlana Alexievich đã được Viện Hàn lâm Thụy Điển trao giải Nobel Văn học danh giá. Với tác phẩm này Svetlana Alexievich gây một ngạc nhiên lớn khi bà đã phơi lộ một diện mạo chiến tranh lâu nay bị khuất lấp – đó là cuộc chiến tranh của những người lính nữ. Sự thúc đẩy của một kí ức tuổi thơ từng nghe tiếng súng, thậm chí ngửi thấy mùi chết chóc trong bầu khí quyền bất thường của chiến tranh, sự mời gọi về những hồi tưởng của những người phụ nữ từng tham gia chiến tranh, và hơn hết là nguy cơ một cuộc chiến tranh của giới nữ mãi mãi bị chôn vùi chính là những động lực để bà dẫn thân vào đề tài này. Trong tác phẩm, Svetlana Alexievich đã thiết lập một chiến lược tự sự nhiều tầng bậc, với một tập hợp

những chủ thể tự sự là những người phụ nữ đề tiếng nói của họ về chiến tranh lần đầu tiên trong lịch sử văn học nhân loại được vang lên một cách mạnh mẽ và đầy ám ảnh. Trong quá trình tự sự ấy, những người phụ nữ đã phải đối diện với những trở lực tự sự liên tục dồn ép họ vào tình thế hoặc là im tiếng, hoặc là nói khác đi với kí ức lẫn xúc cảm về chiến tranh của mình. *Chiến tranh không có một khuôn mặt phụ nữ* vì vậy là một hành trình kháng cự và vượt thoát tình trạng mất tiếng nói của nữ giới, không chỉ trong đề tài về chiến tranh mà về tất cả những gì thuộc về cuộc sống, về sự thật.

2. Những trở lực khi nữ giới tự sự về chiến tranh

Lịch sử nhân loại từ một phương diện nào đó là lịch sử của những cuộc chiến. Văn học với tư cách là tấm gương phản ánh đời sống, cũng đã tạo lập nên một dòng chảy văn học chiến tranh mạnh mẽ trong văn học thế giới. Chiến tranh đã là

* Email: bichduyenba@gmail.com

một địa hạt, một mảnh đất được khai phá trên nhiều phương diện. Thời đại sử thi, chiến tranh hiện lên với tư cách là một hoạt động lao động thông thường của bộ lạc, và chiến tranh làm nền cho sự nổi bật của các cá nhân anh hùng lý tưởng như trong *Iliade* của Homère thời Hy Lạp cổ đại, trong *Mahabharata* của Vyasa thời sử thi Ấn Độ. Bước qua thời đại anh hùng ca đó, khi con người từ giã những di vết của thời đại dã man để tiến đến thời đại văn minh, chiến tranh không còn là hành động thông thường mà đã mang một diện mạo khác. Cảm thức về chiến tranh trở nên phức tạp hơn. Nhìn từ các lực lượng tham chiến, chiến tranh có thể là hoạt động thiêu liêng khi nó cần thiết để đảm bảo an toàn chủ quyền, văn hóa, chủng tộc, sinh mệnh,... hoặc cũng có thể là hành động phi nghĩa khi nó can dự tàn bạo vào những tài sản và giá trị không thuộc về mình. Con người tham dự vào cuộc chiến, trong khi đặt sinh mệnh của mình trên lằn ranh mong manh của sống chết, cũng không ngừng chiêm nghiệm về tính chất cuộc chiến và ý nghĩa của việc mình tham chiến. Những tác phẩm của Hemingway, Remarque là sự chất vấn đến khắc khoải về thân phận con người trong và sau chiến tranh, từ đó trở thành tiếng nói phản đối chiến tranh mạnh mẽ. Với một lịch sử dày dặn, không ngắt quãng như thế, văn học về chiến tranh dường như không gặp phải trở lực nào trong quá trình để cho các tự sự về chiến tranh được cất lên, từ đó, dường như đã hoàn tất sứ mệnh của mình và không còn cần thêm bất kì sự tham chiếu nào.

Nhưng Svetlana đã cho thấy một sự thiếu khuyết to lớn trong văn học về chiến tranh của nhân loại khi gần như tất cả những quyển sách viết về chiến tranh đều là của nam giới. Bà viết: “*Hẳn không thể biết trên thế giới đã có bao nhiêu sách viết về*

chiến tranh. Gần đây tôi đã đọc ở đâu đó rằng trái đất đã biết đến 3.000 cuộc chiến tranh. Mà sách viết về chúng còn nhiều hơn... Tuy nhiên, tất cả những gì chúng ta biết về chiến tranh là do những người đàn ông kể cho chúng ta. Chúng ta là tù binh của những hình ảnh “đàn ông” và những xúc cảm “đàn ông” về chiến tranh” [2, tr. 8]. Trong khi thực tế đã cho thấy, phụ nữ đã tham gia vào các cuộc chiến tranh từ thế kỉ thứ tư trước công nguyên. Đến cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của nhân dân Nga trong thế chiến thứ 2, số phụ nữ tham gia chiến tranh đã lên tới hàng triệu. Nhưng phụ nữ chưa bao giờ là trung tâm của tự sự về chiến tranh trong các tác phẩm của các nhà văn nam. Những người lính nữ cũng hiếm khi cất tiếng nói để kể về chiến tranh từ lăng kính giới mình. Các nhà văn nữ, khi tiến hành một lược khảo về nữ quyền và phê bình nữ quyền, vẫn còn mãi tập trung vào những đề tài thiết thân với phụ nữ và gắn họ với những phận vị quen thuộc: làm mẹ, làm vợ, làm tình nhân, làm nhà hoạt động xã hội. Phụ nữ viết/nói về chiến tranh với tư cách người lính, với tư cách nhân vật trung tâm rõ ràng là sự kiện không chỉ đối với những đại tự sự nam giới mà còn đối với cả nữ giới. Sự kiện này sẽ góp phần làm cho truyền thống văn học chiến tranh lâu nay vốn là của nam giới được xem xét lại, bổ sung thêm một cái nhìn từ giới khác và gương mặt chiến tranh vốn nhiều góc cạnh chắc hẳn sẽ nhiều khác biệt. Song để có thể tự mình cất lên tiếng nói về chiến tranh, những người phụ nữ đã phải nỗ lực vượt qua những trở ngại to lớn đến mức, nếu không có những người bạn đồng hành, không có những người đồng chí cùng giới, họ không đủ sức để thuật kể về những năm tháng mà chiến tranh khắc ghi dấu ấn lịch sử của nó lên thân thể và tâm hồn của cuộc đời họ.

Bước chân vào địa hạt chiến tranh, tự sự của nữ giới vấp phải trở ngại đầu tiên, đó chính là những tự sự của nam giới về đề tài này. Sự thống trị của nam giới là một sự thật được ghi nhận không chỉ trên lĩnh vực văn học. Không chỉ trong địa hạt văn học về chiến tranh, Lanser trong tự sự học nữ quyền luận đã chứng minh sự thống trị của nam giới trong đời sống văn học, chính trị, tư tưởng, xã hội. Nam giới là một hệ quy chiếu xuyên suốt và trung tâm. Sự thống trị đó khiến cho tiếng nói của các giới khác, trong đó có giới nữ, trở thành ngoại biên và thu nhỏ. Những diễn ngôn chiến tranh mà nam giới kiến tạo bị đe dọa bởi một diễn ngôn chiến tranh của nữ giới. Đối với nam giới, việc phụ nữ nói về chiến tranh với tư cách một người lính vào sinh ra tử nơi chiến địa, tham gia mọi hoạt động của chiến tranh như bất cứ người lính nam nào – tức người trong cuộc, mà nếu xóa đi đường viền giới tính, họ và những người lính nam đều được định nghĩa là lính chiến như nhau – vừa có vẻ đe dọa, vừa có dấu hiệu phạm thượng vào lãnh địa mà nam giới mặc định đó là chủ quyền của mình. Một khi nữ giới lên tiếng về vấn đề này, tính “duy nhất”, “tối cao” của diễn ngôn chiến tranh của nam giới bị phá bỏ sau khi nó được kiến tạo, xác lập, duy trì suốt nhiều thế kỉ. Mặt khác, điều lo lắng của nam giới khi phụ nữ kể về chiến tranh là sợ sự sai lệch mà nữ giới có thể tạo ra so với cái nhìn về chiến tranh của nam giới. Nữ giới với thiên tính nữ của mình, tinh tế và nhạy cảm, duy mỹ và duy tình, có thể vẽ nên một khuôn mặt chiến tranh như thể là lịch sử của những xúc cảm hơn là những sự kiện, của những chấn thương hơn là những chiến công, của những mất mát hơn là những vinh quang. Một khuôn mặt như thế, rõ ràng khác lạ với những gì nam giới đã khắc họa trong các tự sự của mình. Do vậy, sự

chống đối, quản thúc các giọng nói của nữ giới từ nam giới là điều có thể nhận thấy. Phải vượt qua trở lực này, nữ giới mới có thể cất lên tiếng nói của chính mình một cách chân thực nhất.

Bản thân người kể chuyện “tôi” là tác giả, khi tìm kiếm chân dung một cuộc chiến tranh của nữ giới của cũng phải bước qua những trở lực ấy. Diễn ngôn về chiến tranh phải chăng đã hoàn kết với các giọng tự sự nam giới? Còn hay không những thiếu khuyết, những khuất lấp đằng sau những gì người đọc đã thấy, đã tin về gương mặt chiến tranh? Những câu hỏi ấy vang lên và thôi thúc bà đi tìm sự thật. Hành trình đi tìm một chân dung chiến tranh khác là ý thức nữ quyền của chính bà. Đó là sự phản kháng với truyền thống văn học chiến tranh của nhân loại – mà thực ra là của nam giới. Giọng nam không thể là đại diện duy nhất cho tất cả. Phụ nữ phải có tiếng nói riêng. Song trở lực này nằm ở dạng thức ngầm ẩn. Tác phẩm của bà chính là hình thức đối thoại với tư tưởng nam quyền đó. Nhưng trong thực tế tự sự, trở lực đó hiện diện trực tiếp thông qua những người đàn ông tham gia vào không gian tự sự của tác giả và những người lính nữ. Những người lính nữ khi kể cho tác giả, họ phải đủ dũng cảm để bước qua quan niệm chiến tranh là vùng đất bất khả xâm phạm của nam giới. Và sau đó, khi đã có thể bước ra khỏi khoảng tối im lặng, họ lại phải tiếp tục chống lại hoặc tranh đấu với truyền thống tự sự về chiến tranh của nam giới: chiến tranh là những trận đánh khốc liệt, chiến tranh là phương kế và sách lược, chiến tranh là những chiến công, chiến tranh là bi hùng,... Trong cuốn sách, rất nhiều lần, tác giả đã tô đậm sự trở ngại mà những người lính nữ gặp phải mỗi khi cất lên tiếng nói về giới mình trong địa hạt này. Những quy định bất thành văn trở thành

những điều luật khi nói về chiến tranh của giới nam chỉ phớt lờ sự của những người lính thuộc giới nữ. Đó là sự thật, khi tác giả nhận thấy nó một cách rõ rệt trong suốt quá trình đi ghi âm lại các giọng nói của mình: “Tôi đến một gia đình... Chồng và vợ đều đã tham gia chiến tranh. Họ gặp nhau và đã cưới nhau ngoài mặt trận: “Chúng tôi đã làm lễ cưới trong chiến hào, tôi đã tự chế cho mình một chiếc áo cưới bằng vải ga.” Ông là chiến sĩ súng máy, bà là chiến sĩ giao liên. Ông phái ngay vợ vào bếp: “Chuẩn bị món gì cho chúng tôi nhé.” Tôi đi mãi ông mới miễn cưỡng nhường chỗ cho bà, không quên dặn bà: “Kể như tôi đã bày cho bà ấy. Không có nước mắt, cũng đừng có những chi tiết ngu ngốc, kiểu: “Tôi cứ muốn đẹp. Tôi đã khóc khi bị người ta cắt mất bím tóc.” Người vợ đã thú nhận với tôi: “Ông ấy đã nhồi nhét cho tôi suốt đêm cuốn Chiến tranh ái quốc vĩ đại. Ông ấy lo cho tôi. Ngay cả bây giờ nữa, ông ấy lo tôi không nói được các kí ức cần thiết” [2, tr. 21].

Những người lính nữ không chỉ phải dám bước qua trở lực đầu tiên để giành lấy quyền được lên tiếng mà còn phải đủ dũng khí để bước qua trở lực thứ hai cũng thách thức không kém, đó là phải nói đúng với sự thật của kí ức và xúc cảm của chính mình. Nếu kể theo định hướng của những người lính nam giới, họ bắt đầu rời xa bản thân mình. Nếu trung thực và chân thành, họ phải chịu sự điều chỉnh và thậm chí phản đối từ nam giới. Sự lựa chọn con đường thuật kể nào cũng khó khăn và hết sức quanh co, phức tạp, vì ngay cả khi đã lựa chọn, họ vẫn liên tục bị những tiếng nói bên trong và bên ngoài tác động, gây nhiễu. Làm cách nào vừa có thể thoát khỏi sự quản thúc hữu hình lẫn vô hình của nam giới vừa phải đảm bảo sự trung thực với câu chuyện của mình khi tự sự là vấn đề

của nữ giới. Có thể thấy, hành trình tự sự của nữ giới về một vấn đề được nam giới khẳng định chủ quyền, là một hành trình gian nan vô cùng. Và tình trạng mất tiếng nói của nữ giới ngoài phạm vi gia đình từ góc độ này, một lần nữa, được chứng minh một cách rõ rệt, nó trở thành nan đề của giới nữ, và cũng là sự đối thoại, chất vấn lẫn kháng cự của giới nữ trước sự thống trị, bành trướng của hệ tư tưởng nam quyền.

Chiến tranh không có một khuôn mặt phụ nữ cung cấp cho lịch sử phê bình nữ quyền một trường hợp đặc biệt. Virginia Woolf – nhà văn nữ quyền người Anh - trong *Căn phòng riêng* hướng đến việc phân tích các yếu tố có thể làm suy giảm sự viết và sáng tạo của phụ nữ, trong đó bà nhấn mạnh, phụ nữ muốn viết phải có một căn phòng riêng – tức một không gian tách biệt khỏi nhà khách, bếp núc vốn dĩ rất dễ bị quấy rầy; và phải có một khoản tiền để vượt thoát khỏi những lo toan tẩn mẩn có thể thủ tiêu mọi sáng tạo, cảm hứng của người cầm bút. Trong *Bí ẩn nữ tính*, Betty Friedan lại chỉ ra tình trạng những phụ nữ Mỹ sử dụng toàn bộ năng lực của mình vào công việc nội trợ thay vì ra bên ngoài hoạt động nghề nghiệp thực thụ và làm chủ về kinh tế nhiều hơn. Các nhà nữ quyền khác kêu gọi quyền chính trị, xã hội cho nữ giới, tạo thế bình đẳng với nam giới. Trong các nghiên cứu nữ quyền như thế, tình trạng mất tiếng nói của nữ giới phần lớn là do địa vị chính trị, kinh tế, xã hội yếu thấp của họ so với nam giới. Những người phụ nữ trong tác phẩm của Svetlana Alexievich thực hiện vai trò của một người lính thực thụ, vị trí, công việc, hoạt động của họ trong chiến tranh như nam giới. Thế nhưng họ vẫn không được lên tiếng. Khó khăn bủa vây quá trình tự sự, lịch sử chiến tranh của nữ giới có thể bị chôn vùi. Tình thế này khiến các nhà nữ quyền cần nhìn sâu hơn vào sự

thống trị của nam giới không chỉ ở các phương diện kinh tế, chính trị, xã hội, ở các thiết chế văn hóa mà còn sự thống trị trong những diễn ngôn. Khi phụ nữ lên tiếng, dù rằng họ không có ý xâm phạm hoặc xô ngã uy quyền của các diễn ngôn nam giới, song họ thật sự gây ra một mối nguy về việc họ sẽ thay đổi ít nhiều diện mạo hoặc bản chất của các diễn ngôn nam giới về chiến tranh. Điều đó làm nam giới lo sợ và muốn phụ nữ phải lặng im mãi mãi.

Trong tác phẩm, tác giả đã ghi âm hàng trăm giọng nói. Hàng trăm câu chuyện được kể đã cùng nhau khắc họa gương mặt của chiến tranh và những thương tích mà nó gây ra với những người lính nữ tham chiến. Dựa trên những cứ liệu, tác giả đã tường thuật hành trình người phụ nữ bước chân vào cuộc chiến: từ khi họ là những cô bé gái, những thiếu nữ ngây thơ, nữ tính đến ngày đầu tiên trở thành lính, khi ở chiến trường tham chiến và số phận của họ thời hậu chiến. Trăn trở nhất, đau đáu nhất mà những người lính nữ luôn cảm thấy một cách lặng lẽ nhưng sâu sắc, đó chính là quá trình chiến tranh hủy hoại căn cước giới tính của họ. Cắt đi mái tóc dài, mặc quần áo của đàn ông, không được cất tiếng hát, không được làm đẹp, bắn súng vào kẻ khác, bắt đưa con thơ im lặng vĩnh viễn để cứu nguy cho đồng đội, dùng răng xé vết thương trên da thịt thương binh, làm việc đến sức cùng lực kiệt, già đi hơn tuổi thật,... là những gì họ phải trải qua trên chiến trường. Đó là những điều nằm ngoài sức tưởng tượng của những cô gái xung trận chỉ có duy nhất tình yêu tổ quốc làm hành trang. Sau khi trở về, tuổi trẻ, thiên tính nữ, một ai đó là họ nhưng nằm ngoài họ, của những cô gái trẻ ấy đã vĩnh viễn nằm lại nơi chiến địa. Họ trở về với một thân thể đầy thương tích, một tinh thần nhiều sang chấn hoàn toàn sai lệch với bản

thân họ. Họ đã nói rằng: “Ngày nay tôi nhớ lại tất cả những cái đó và tôi tưởng đây không phải là tôi, mà là một cô gái khác” [2, tr. 209]. Đó thậm chí, có thể gọi là “những kí ức tưởng tượng” (ý thơ Trương Đăng Dung). Những kí ức khắc bằng máu ấy, nếu phải kể lại là một vết cắt vào một vết thương chưa hề lên da non. Họ thật sự không dám làm sống dậy những kí ức ấy, vì nỗi đau mà nó gây ra với họ vẫn khủng khiếp.

Svetlana gặp không ít khó khăn trong quá trình phỏng vấn những người phụ nữ ấy. Một nữ phi công đã từ chối gặp bà. Lí do được đưa ra: “Tôi không thể. Tôi không muốn nhớ lại. Ba năm trải qua chiến tranh... Và suốt ba năm, tôi không còn là một phụ nữ. Cơ thể tôi ngủ lịm. Tôi không còn có kinh, không còn ham muốn tình dục. Vậy mà tôi đã từng là một người phụ nữ đẹp [...]. Nhưng tôi không thể kể lại... Tôi không đủ sức mạnh để quay trở về sau. Phải sống lại tất cả những cái đó một lần nữa...” [2, tr. 15]. Đó là những kí ức dĩ thường mà chỉ những người đi qua chiến tranh mới thấu hiểu. “Đây là một thế giới quá ư sỗ sàng, quá ư mãnh liệt. Bây giờ tôi [tác giả] hiểu nỗi cô đơn của người từ nơi đó trở về. Cứ như là họ trở về từ một hành tinh khác hay từ thế giới bên kia. Họ sở hữu những hiểu biết mà những người khác không có, và người ta chỉ có thể lĩnh hội được ở chốn ấy, khi chạm mặt cái chết. Khi họ cố truyền gửi lại cái ấy bằng những từ, họ có cảm giác về một tai họa. Họ trở nên câm lặng. Họ rất muốn kể lại, những người khác rất muốn biết, nhưng mọi người đều bất lực” [2, tr. 16]. Có thể thấy, im lặng là một lựa chọn có ý thức của những người lính nữ khi họ không vượt qua được những di chứng của chiến tranh. Họ sợ hãi, và không dễ dàng để có thể vượt qua tất cả nỗi sợ hãi ấy để một lần nữa khứa vào nỗi đau

chưa bao giờ họ cảm thấy được xoa dịu ngay cả khi chiến tranh đã qua đi. Vì vậy, hành trình tự sự của những người lính nữ không chỉ phải chịu sự thách thức từ trở lực khách quan mà quan trọng hơn, họ phải vượt qua những trở lực chủ quan để có thể thuật kể các câu chuyện của mình. Nếu đứng trước các tự sự nam giới, những chủ thể tự sự nữ chỉ cần vượt qua sự trấn áp thì có thể hoàn toàn tự do trong thế giới tự sự của mình. Song trước kí ức của mình, những người lính nữ lại gặp nhiều khó khăn hơn. Ngay cả khi họ vượt qua trở lực họ lại cũng phải liên tục chống chọi với các kí ức và những chấn động tâm lí lẫn thể chất mà các kí ức đó có thể gây ra. Đối với họ, đó là một cuộc chiến không hồi kết.

Chiến tranh không có một khuôn mặt phụ nữ có thể nói, là một dàn đồng ca giọng nữ với đúng tông nữ nguyên chất. Và để có thể cất lên những thanh âm của giới mình, cả Alexievich và tập thể những nữ chiến binh đã phải trải qua một hành trình vượt thoát những trở lực vô cùng gian nan. Những rào chắn của tự sự nam quyền về chiến tranh, của những chấn thương cá nhân với biết bao di chứng không ngừng hiện diện, ngăn cản hành động tự sự của họ từ khi khởi sự cho đến sau khi tự sự hoàn kết. Những trở lực này có mặt ngầm ẩn hoặc trực tiếp, song luôn thường trực trong quá trình tự sự của tác giả và những người lính nữ và từ đó, tạo nên một tình thế đối thoại trong suốt quá trình đó: đối thoại với người nghe là nam giới và đối thoại với chính bản thân chủ thể tự sự. *Chiến tranh không có một khuôn mặt phụ nữ* vì vậy, nhìn từ góc độ này, vừa là một hình thức kháng cự tình trạng mất tiếng nói của nữ giới trong địa hạt chiến tranh, vừa là một nỗ lực chống lại sự biến mất của một lịch sử chiến tranh rất khác biệt: lịch sử chiến tranh từ cái nhìn nữ giới như là lịch sử của

những xúc cảm của nữ giới trong chiến tranh.

3. Những nỗ lực để tự sự về chiến tranh của nữ giới

Vấn đề của tác giả và những người lính nữ chính là việc tìm cách bước qua những rào chắn tự sự để được cất tiếng nói của giới mình và cung cấp cho chúng ta một diễn ngôn chiến tranh đặc biệt. Tất cả họ, đã chấp nhận đối mặt với những trở lực, vượt qua nó bằng nhiều con đường khác nhau một cách không hề dễ dàng. Nhưng họ đã làm, để sự thật được hiện ra.

Susan S.Lanser trong *“Hướng tới tự sự học nữ quyền”* có đề cập đến những vấn đề tự sự của nữ giới. Trong đó, từ trường hợp phân tích các giọng, các lớp trong cấu trúc văn bản của một bức thư trong truyện *Cái tráp*, bà đã chú ý đến sự chi phối của người nghe chuyện, người đọc văn bản trong quá trình tự sự hay nói cách khác, là những người tham gia vào quá trình tự sự. Khi là chủ thể tự sự, nếu người nghe chuyện trực tiếp là nữ giới (thân thiết), phụ nữ thường sẽ thuật kể chính xác và bộc lộ thành thật những xúc cảm của mình. Nhưng nếu quá trình tự sự đó có sự can dự của nam giới, câu chuyện kể chắc chắn sẽ bị kiểm duyệt (trực tiếp hay ngầm ẩn) và vì thế, phụ nữ phải nói theo cách khác đi. Họ phải dùng những mặt mã, họ phải sử dụng những kí hiệu để tạo nên một văn bản đa giọng, đa tầng để vừa có thể an toàn thoát qua sự kiểm duyệt của nam giới, vừa có thể truyền đạt được câu chuyện của mình. Như vậy, trong tự sự học của giới nữ, vấn đề không gian tự sự, thành phần tự sự (giới tính, tính cách, trình độ, địa vị,...) thật sự quan trọng, ảnh hưởng lớn đến quá trình và kết quả của tự sự.

Chiến tranh không có một khuôn mặt phụ nữ nhìn từ kết cấu sẽ thấy có hai lớp tự sự: tự sự của người kể chuyện xưng

tôi là tác giả (chúng tôi tạm gọi là tự sự bậc 1 và người kể chuyện bậc 1), tự sự của người kể chuyện xưng tôi là những người được tác giả phỏng vấn (tạm gọi tự sự bậc 2 và người kể chuyện bậc 2). Chính tác giả, người kể chuyện bậc 1, là người đóng vai trò quan trọng trong việc làm thức dậy những âm thanh đã bị nhấn chìm vào thinh lặng. “Tôi” được định vị với nhiều tư cách: một nhà báo (cần phải nói lên sự thật), một người từng sống trong không khí chiến trận (cần phải kể lại câu chuyện về thời chiến) và quan trọng, là một người phụ nữ (cần phải để cho diễn ngôn về chiến tranh của giới mình được lắng nghe). Trong đó, tư cách thứ nhất có ảnh hưởng lớn đến việc tác động đến niềm tin của độc giả về tính xác thực của câu chuyện. Sự tham chiếu mà một tác phẩm phi hư cấu mang đến cho người đọc khiến họ đòi hỏi độ tin cậy về tư cách và phẩm chất của người kể chuyện. Tư cách thứ 2 có ý nghĩa lớn đối với chính tác giả, vì đó là nguồn cảm xúc thúc đẩy bà đến với công việc này. Và tư cách thứ ba có vai trò then chốt trong việc khơi gợi sự tin cậy từ những người lính nữ được bà phỏng vấn để họ sẵn sàng chia sẻ. Bà đã kiến tạo những không gian tự sự mà ở đó, những người lính nữ có thể mở lòng và bắt đầu những câu chuyện. Bà là một người nghe chuyện thân thiết và đáng tin cậy, trước hết, từ chính sự tương đồng về giới tính giữa bà và những người lính nữ. Bà đã biết trước những trở ngại, và đã tìm cách vượt qua trở ngại đó, bằng việc trở thành một thành viên trong cộng đồng: *“Nhờ đâu mà công việc của tôi được dễ dàng hơn? Vì chúng tôi đã quen sống cùng nhau. Quen trò chuyện với nhau. Chúng tôi là những con người của cộng đồng. Chúng tôi đặt mọi thứ chung với nhau: cả hạnh phúc và cả nước mắt. Chúng tôi chịu đựng và nói về những nỗi đau khổ của chúng tôi. Đối với chúng tôi,*

đau khổ là một nghệ thuật. Tôi phải thú nhận rằng phụ nữ mạnh bạo dấn mình vào con đường đó...” [2, tr. 13].

Người kể chuyện xưng tôi bậc 1 là tác giả. Phần trích nhật kí, những tự sự về quá trình tìm kiếm và thấu nhận những câu chuyện của những người lính nữ, những xúc cảm và chiêm nghiệm về những gì mình đã nghe, đã thấy gần như trùng hợp hoàn toàn với lao động của Svetlana Alexievich để cho ra cuốn sách này. Câu chuyện mà người kể chuyện bậc 1 kể, như vậy, trở nên phức tạp hơn khi nó có dạng thức tương ứng với kiểu siêu hư cấu trong văn học hư cấu. Người kể chuyện kể 2 câu chuyện: một là câu chuyện về sự viết của mình, và bên trong đó, là một câu chuyện mà sự viết của mình nhắm đến. Trong cuốn sách, người kể chuyện bậc 1 đóng vai trò trung gian trong việc chuyển tải câu chuyện của những người lính nữ đến với độc giả, không như một số thể loại thuộc văn học phi hư cấu khác như tự truyện, hồi kí, nhật kí,... các tác giả tự sự về câu chuyện của mình. “Tôi” ở đây, trước hết là người nghe chuyện, sau đó mới là người kể chuyện. Đến lượt mình, tôi kể câu chuyện mình được nghe, và câu chuyện về hành trình viết của mình mà trong đó, chú trọng đến câu chuyện của những người lính nữ. Người kể chuyện này thực hiện vai trò của mình một cách xuất sắc khi vừa khai mở được một cuộc chiến bí mật của họ, vừa phơi lộ đến chúng ta một diện mạo khác của chiến tranh từ góc nhìn nữ giới thông qua những câu chuyện kể của những người lính nữ.

“Tôi”, nói như vậy, không đơn thuần chỉ thực hiện sứ mệnh của người đưa tin. Qua cách ghi nhận các câu chuyện kể, qua những biện giải, bình luận,.. của “tôi”, chân dung một người kể chuyện cũng được phác họa đậm nét. Vượt lên trên vai trò một

nhà báo đi phỏng vấn, thu thập tư liệu để viết sách, “tôi” với một trái tim tinh tế, nhạy cảm và thấu hiểu đã giúp cho những người lính nữ có thể bộc lộ chân thực nội tâm phức tạp của mình khi nói về cuộc chiến của cá nhân mình. Tác giả - người kể chuyện đã chịu không ít những tác động từ những câu chuyện đầy xúc cảm ám ảnh. Sau mỗi lần nghe chuyện, bà lại thấy mình khác đi, trưởng thành hơn, thâm trầm hơn song lại càng khát khao mang sự thật ra khỏi nơi nó đã trú ngụ quá lâu và sắp có nguy cơ bị vùi chôn mãi mãi khi những người lính ấy mỗi ngày lại già đi, mỗi ngày lại càng chôn sâu kí ức của mình vì không ai lắng nghe họ. Có thể nói, “tôi” không hẳn mình hoàn toàn trong tác phẩm như một số dạng thức kể thay hoặc viết theo lời kể của người khác trong một số dạng thức của văn học phi hư cấu (như trường hợp *Lê Văn – yêu và sống*). Và dù trường hoạt động trên dung lượng văn bản không nhiều, song hình ảnh một nữ nhà báo tận tụy với công việc, kiên trì với con đường mình đi, nhân văn và trung thực vẫn được cảm nhận rõ nét.

Người nghe chuyện – tác giả trước những người lính nữ, đã trở thành một người nghe chuyện thuần túy. Bà nói rằng, bà trở thành “một cái tai lớn”, lắng nghe tất cả, ghi âm tất cả. Một cái tai của “trẻ thơ”. *“Họ gọi tôi [tác giả] là “cô gái nhỏ”, “con gái tôi”, “con tôi”. Chắc hẳn nếu tôi cùng thế hệ với họ, họ sẽ đối xử với cách khác. Nghiêm khắc và bình tâm hơn. Không có niềm vui thường có được trong gặp gỡ giữa già và trẻ. Khởi đầu và kết thúc. Tôi trẻ, họ già. Họ cắt nghĩa các sự việc cho tôi như một đứa trẻ con. Từ lâu tôi đã có nhận xét ta nói chuyện hay hơn với trẻ con: khi đó ta tìm được những từ mới, vì nếu không ta sẽ không thể vượt qua được ranh giới chia cách ta với thế giới mà từ nay ta không thể bước vào được nữa. Tôi thường thấy những*

người phụ nữ ngồi trước mặt tôi lắng tai nghe chính bản thân mình. Vào cái tiếng cất lên từ tim họ. So sánh nó với những từ họ nói” [2, tr. 13]. Có thể nói, người nghe chuyện đóng vai trò then chốt trong quá trình tự sự của nữ giới. Xét trong trường hợp này, những người lính nữ đã già đã chỉ có thể kể cho một đối tượng mà họ cảm thấy ở đó, không chỉ có được sự đồng điệu từ giới tính, từ cảm xúc mà quan trọng hơn, họ không phải đối diện với bất kì sự kiểm duyệt, phán xét, chỉnh sửa hay phản biện nào. Nếu họ kể cho những người cùng thế hệ, những người lớn tuổi hơn, những người đàn ông,... câu chuyện của họ hoặc sẽ bị chính họ sửa đổi để tránh sự chống đối, hoặc nó sẽ bị ngắt quãng bởi những đánh giá của những người lắng nghe. Như vậy, chúng ta sẽ không có được sự thật nào cả. Chỉ khi họ kể cho một đứa trẻ, một cô bé, một đứa con gái chỉ biết nghe bằng tất cả sự vô tư, họ mới yên tâm để thuật kể. Và hành trình kể chuyện của họ, từ đối thoại, đã trở thành độc thoại. Họ cất lên tiếng nói là để nghe chính tiếng nói của mình. Đó là hành vi kể vì mình, vì sự thúc giục của kí ức và xúc cảm của chính người kể chuyện. Họ không muốn câu chuyện của họ sẽ không bao giờ được kể khi cái ngày họ phải ra đi đã cận kề. Họ cũng muốn nhìn lại quá khứ để chiêm nghiệm lại bí ẩn của cuộc đời. Vì vậy, chỉ cần một người nghe chuyện biết cách lắng nghe, mọi câu chuyện sẽ được kể tường tận cho đến những bí ẩn thâm sâu nhất của nó. Và khi đó, không phải người nghe chuyện đi tìm người kể chuyện nữa mà chính những người kể chuyện sẽ tìm đến người nghe chuyện, như chính Svetlana đã kể: *“Hôm qua có một cú điện thoại: “Cô và tôi, chúng ta chưa biết nhau... Nhưng tôi đến từ Crimée, tôi gọi cô từ nhà ga. Tôi muốn kể cho cô nghe cuộc chiến tranh của tôi... Tôi đã đọc những*

đoạn trích cô đã cho in...’’ [2, tr. 18].

Không ai khác, chính tác giả - tôi – người kể chuyện (bậc 1) – người nghe chuyện là điểm tựa để những người lính nữ có thể bộc lộ thế giới kí ức và xúc cảm của mình. Bà với ý định khai mở và lưu giữ lại kí ức của những người phụ nữ, với sự nhạy cảm, tinh tế, với trái tim biết chia sẻ, thấu cảm, biết xúc động và đặc biệt, biết lắng nghe là yếu tố quan trọng trong việc giúp những người lính nữ vượt qua những trở lực tự sự. Nam giới đã ở bên ngoài câu chuyện của họ, các câu chuyện chiến tranh mà nam giới kể cũng đã ra khỏi tâm thức của họ, chỉ còn lại trong không gian tự sự là những người phụ nữ với nhau, và họ không phải che đậy, ngụy trang bất cứ điều gì lên câu chuyện và xúc cảm của mình. Khát vọng kể chuyện đã thực sự lớn hơn nỗi sợ hãi. Và khi người kể chuyện tìm thấy người nghe chuyện biết cách nghe, câu chuyện của họ sẽ tự biết cách vượt ra khỏi biên giới riêng tư của một người để trở thành kí ức của nhiều người, trở thành câu chuyện của tất cả những ai được nghe câu chuyện đó – trực tiếp như tác giả, hay gián tiếp như bạn đọc chúng ta.

Để có thể tiếp cận gần nhất đến sự thật, để có thể nhìn sâu vào thế giới kí ức và xúc cảm của những người lính nữ và từ đó vẽ được chính xác chân dung của họ, tác giả phải luôn luôn cảnh giác với hiện tượng họ tự “viết lại” cuộc đời mình trong khi kể. Quá trình đó không phải chỉ đòi hỏi tác giả phải có sự thấu hiểu, đồng cảm, phải biết lắng nghe như một đứa trẻ mà còn phải trở thành một người bạn thân thiết và chờ đợi giây phút họ trở về với chính bản thể mà tự sự đúng với kí ức của mình – không sáng tạo, không gò mình theo những khuôn mẫu lý tưởng. Bà phải sống cùng họ: “*Tôi ngồi lâu trong ngôi nhà lạ, đôi khi cả một ngày. Chúng tôi uống trà, so áo sơ mi nữ vừa mới*

mua, nói chuyện tóc tai và chuyện bếp núc. Cùng xem ảnh các cháu nội ngoại. Và chỉ khi đó... Sau một thời gian, không bao giờ biết trước là bao lâu và tại sao, đột nhiên cái lúc hằng mong đợi, khi con người rời xa cái hình mẫu vẫn được chấp nhận chung – hình mẫu bằng thạch cao hay bằng bê tông cốt sắt, như các tượng đài của chúng ta – để trở lại với chính mình. [...]. Phải biết nắm lấy khoảnh khắc ấy, không để nó vụt mất.” [2, tr. 12]. Có thể thấy, hành trình để có thể chạm đến những bí ẩn chiến tranh sâu kín của những người lính nữ không được diễn ra nhanh chóng và dễ dàng khi mà họ phải giữ sự im lặng quá lâu, phải chịu sự trấn áp của các tự sự nam giới về chiến tranh đến mức suy nghĩ, xúc cảm bị sai lệch với sự thật mà họ từng trải qua. Người tham dự tự sự không thôi chưa đủ, họ cần có một không gian tự sự đủ tin cậy, đủ gần gũi để trải lòng. Chỉ trong điều kiện đó, các tự sự sẽ được hiện ra trực tiếp chứ không phải qua các kí hiệu để mã hóa, hoặc hiện ra với sự cải trang ngụy tạo để tránh những phiền phức khi đối chọi với các đại tự sự nam giới. Tình thế của “giới thứ hai” khiến cho các điều kiện để tự sự trở nên có phần khó khăn hơn so với nam giới là vì vậy. Tác giả thật sự đã rất kì công thiết lập các mối quan hệ, phải biết kiên nhẫn chờ đợi giây phút những người lính nữ sẽ chia các câu chuyện của mình một cách thành thật nhất. Cuốn sách này, vì vậy là kết quả của một hành trình dài kết nối trái tim với trái tim của những người phụ nữ với nhau để câu chuyện của những người phụ nữ trong chiến tranh được hiện diện trên trang sách. Những trở lực tự sự đã tạo quá nhiều bức tường mà để phá vỡ nó, cả người nghe và người kể đều phải có sự kiên trì, sự tin cậy và sự thấu hiểu dành cho nhau thì quá trình tự sự mới có thể được kiến tạo và có được kết quả gần với sự thật nhất. Và rõ

ràng, trong quá trình đó, tôi – tác giả thật sự là người đóng vai trò then chốt trong việc kiến tạo không gian tự sự cho những người kể chuyện từ trong cuộc chiến trở về.

Lớp tự sự thứ 2 trong *Chiến tranh không có một khuôn mặt phụ nữ* thuộc về những người lính nữ từng tham gia cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của nhân dân Liên Xô trong thế chiến thứ 2. Chính họ đã tự thuật lại câu chuyện của mình bằng tất cả sự trung thực. Ở đây đã vang lên hàng trăm, hàng nghìn giọng nói, cùng tạo nên một bản hợp xướng của một dàn đồng ca cùng nhau hát lên khúc ca đầy xúc cảm về diện mạo một cuộc chiến tranh của giới nữ. Những người kể chuyện bậc 2 là những người lính nữ thuộc nhiều đơn vị, bộ phận, thực hiện muôn vàn nhiệm vụ khác nhau trong chiến tranh. Họ có thể là đại đội trưởng, xạ thủ bắn tỉa, bác sĩ quân y, lính hậu cần,... Sự khác nhau đó tạo nên bên trong mỗi người một cuộc chiến tranh riêng biệt, song tất cả gặp nhau ở hai điểm: họ đều là lính, và đều là giới nữ. Chính sự tương đồng đó đã hòa giải tất cả sự khác biệt hay mâu thuẫn trong câu chuyện của mỗi người để cuối cùng, mỗi câu chuyện lại trở thành một nốt nhạc, một thanh âm trong bản hòa ca về chiến tranh của riêng giới nữ. Họ không kể về một câu chuyện, một trận đánh, một chiến lược. Mỗi người tái hiện một xúc cảm trong chiến tranh, trong từng trường hợp cụ thể. Đó có thể là nỗi sợ hãi trước máu và cái chết: *“Khi cắt một cánh tay hay một cái chân, không có máu... Ta thấy thịt trắng, rất sạch, sau mới đến máu. Ngày nay vẫn thế, tôi không thể chặt một con gà, nếu thịt nó quá trắng và sạch. Tôi cảm nhận trong miệng vị mặn đau xót...”* [2, tr.188]. Hoặc cũng có thể là sự ám ảnh trước cái nhìn của những người thương binh bị để lại bệnh viện trong khi những bác sĩ, y tá phải chuyển đi: *“Ta chuẩn bị đi,*

họ nhìn ta, mắt họ theo dõi ta. Tất cả ở trong ấy, trong cái nhìn ấy: nín nhịn, giận dữ,... Và buồn vô cùng! Buồn vô cùng! Những ai còn đứng được trên đôi chân ra đi cùng chúng tôi. Những người khác ở lại. Và ta không còn giúp được ai trong số họ, ta không dám ngước mắt lên... Tôi còn trẻ. Tôi khóc hết nước mắt...” [2, tr.191]... Cứ như thế, vô vàn những xúc cảm với vô vàn những tình huống được phục dựng qua lời tự sự của những người lính nữ. Đứt đoạn, rời rạc như những ánh chớp của kí ức. Một gương mặt, hai gương mặt, ba gương mặt, hàng trăm gương mặt, hàng trăm cái tên, hàng trăm nhiệm vụ, hàng trăm kí ức được đặt chung vào cái khung chiến tranh trở thành những điểm ảnh sắc nét để tạo ra một bức chân dung chiến tranh của nữ giới. Một cuộc chiến tranh không được tạo nên bởi những sự kiện, chiến lược, trận đánh,... mà là một thế giới cảm xúc của những người phụ nữ trước những tình thế cay đắng, đau đớn và xót xa tận cùng của chiến tranh.

Những chủ thể tự sự là tập thể những người lính nữ đã kháng cự tình trạng mất tiếng nói của mình bằng việc hợp lực để cùng tự sự. Họ phải cùng nhau cất giọng nói để âm vang của nó mạnh mẽ hơn, ám ảnh hơn và tác động mạnh mẽ hơn vào bức tường thành của những diễn ngôn chiến tranh đã có trước đó. Một tiếng nói đơn lẻ của nữ giới trong một địa hạt dành cho nam giới sẽ mãi nằm ở ngoại vi. Và có khi, trong tiến trình lịch sử của các diễn ngôn, nó sẽ bị loại bỏ như một thành phần không chính yếu, không cần phải nhắc đến. Vì vậy, việc tác giả lẫn những người lính nữ cùng nhau hiện diện trên trang sách, mỗi người kể câu chuyện của riêng mình với tư cách là một phần của toàn bộ câu chuyện chiến tranh của nữ giới vừa tăng độ tin cậy, vừa tăng cường độ của giọng kể đến mức nó nhất định phải được lắng nghe trước khi

nó được thừa nhận như một phần lịch sử chiến tranh bấy lâu nay bị chôn vùi trong thẳm sâu kí ức của những người lính thuộc về giới nữ. Đây có thể xem là chiến lược quan trọng nhất trong quá trình mang những tự sự này đến với phần còn lại của toàn bộ thế giới. Hành trình vượt thoát những trở lực tự sự bắt đầu từ việc phải tạo điều kiện cho các câu chuyện hồi sinh, tái hiện lại những cảm xúc, thì đến đây, nó cần phải được lắng nghe, được biết đến. Đó là cả một hành trình dài, phức tạp mà nếu không có đủ lòng kiên trì, không có sự thôi thúc mạnh mẽ từ ý hướng mang một gương mặt chiến tranh của nữ giới ra ngoài ánh sáng thì có lẽ, các câu chuyện ấy mãi nằm trong mỗi bản thể người lính nữ để đến khi từ giã cuộc đời, nó sẽ biến mất mãi mãi.

Tình trạng mất tiếng nói là vấn đề của mọi đối tượng có vị trí thấp kém trong xã hội như phụ nữ, người nô lệ, trẻ em... Biểu hiện của tình trạng đó, một cách tường minh, là sự im lặng. Nhưng ở một biểu hiện khác, ngầm ẩn hơn, là tiếng nói bị chối bỏ, không thừa nhận. Tình trạng các tiếng nói bị công kích đã được ghi nhận trong lịch sử tranh đấu cho quyền của phụ nữ của các nhà nữ quyền khi họ bị nam giới (và cả những người phụ nữ bị dẫn dắt bởi cái nhìn nam giới) chỉ trích, chế giễu như thể đó là những tấm gương xấu. Con đường thiết lập lại một vị trí cân bằng hơn cho nữ giới trước khi nói đến việc họ giành lại được những quyền về kinh tế, chính trị, xã hội, giáo dục,... chỉ có thể được khởi đi từ việc họ kháng cự thành công tình trạng mất tiếng nói của mình. Sự im lặng sẽ chỉ càng củng cố quyền lực của nam giới, và khắc sâu hơn tình trạng “giới thứ hai” của nữ giới. Tuy vậy, quá trình cất tiếng nói ấy thật sự rất gian nan, vì một khi nữ giới cất giọng chính là một hành động mang tính phản kháng mạnh mẽ đối với hệ tư tưởng nam

quyền vốn được các thiết chế bảo trợ. Đối với nam giới, đó là mối đe dọa với uy quyền của họ. Cuộc đấu tranh cho nữ quyền, dù chỉ bắt đầu từ việc người phụ nữ nói về mình cũng đã mang tính chất phức tạp, khó khăn vô cùng. Và trường hợp của *Chiến tranh không có một khuôn mặt phụ nữ* đã là minh chứng sinh động nhất cho tình trạng người phụ nữ khi lên tiếng phải bước qua những trở lực to lớn nào, phải đối diện với những thách thức nào, dù rằng đó chỉ là lên tiếng kể lại kí ức và cảm xúc của chính họ mà thôi.

4. Kết luận

Chiến tranh không có một khuôn mặt phụ nữ của Svetlana Alexievich là tự sự phi hư cấu về đời sống của con người cá nhân dưới sự tác động của chiến tranh. Từ góc nhìn và lời thuật kể của một tập thể những chiến binh là nữ giới, Svetlana Alexievich khai mở cho người đọc một cuộc chiến tranh của riêng giới nữ và do đó, tác phẩm vừa là diễn ngôn về chiến tranh, đồng thời cũng là diễn ngôn về giới nữ. Để có thể hình thành nên diễn ngôn đó, quá trình tự sự của những chủ thể tự sự nữ giới trong tác phẩm, từ tác giả đến những người lính nữ đã phải đối diện với nhiều trở lực mà sự bước qua những trở lực đó đòi hỏi sự dũng cảm, kiên trì ở một mức độ đặc biệt. Và chính sự lựa chọn chiến lược tự sự mang đậm tính chất nữ quyền luận của bà từ phương diện phải làm mọi cách để phụ nữ được lên tiếng đã tạo nên một cường lực góp phần giải trung tâm địa vị của nam giới trong địa hạt văn học về chiến tranh. Lối viết phức điệu mà bà kiến tạo trong tác phẩm dựa trên sự thật đã phơi lộ diện mạo phi nhân của chiến tranh và cũng cùng lúc đó, nhìn sâu vào chân dung đầy nhân bản của những người phụ nữ khi họ bị đẩy vào cuộc chiến□

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Betty Fiedan (2015), *Bí ẩn nữ tính* (Nguyễn Văn Hà dịch), Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
- [2] Svetlana Alexievich (2016), *Chiến tranh không có một khuôn mặt phụ nữ* (Nguyễn Ngọc dịch), Nxb Hà Nội, Hà Nội.
- [3] Phùng Gia Thế - Trần Thiện Khanh (chủ biên) (2016), *Văn học và giới nữ (Một số vấn đề lý luận và lịch sử)*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
- [4] Pierre Bourdieu (2017), *Sự thống trị của nam giới* (Lê Hồng Sâm dịch), Nxb Tri thức, Hà Nội.
- [5] Virginia Woolf (2006), *Căn phòng riêng* (Trịnh Y Thư dịch), Nxb Tri thức, Hà Nội.

***The Unwomanly Face of War by Svetlana Alexievich and
the issue of the narratives of the war by woman***

Vo Nguyen Bich Duyen

Phu Yen University

Email: bichduyenba@gmail.com

Received: November 28, 2019; Accepted: February 10, 2020

Abstract

The Unwomanly Face of War written by Svetlana Alexievich is the non-fictional narratives of the war. Using the perspectives and narratives of a group of female soldiers, Svetlana Alexievich brings the readers into a women's war. The narrative process of these narrators in the work, from the author to the female soldiers, has faced many obstacles requiring great courage and perseverance at a special level to overcome them. Her choice of feminist narration has created a force contributing to the changes of the curb in a world dominated by male authors.

Keywords: narrative, war, female, *The Unwomanly Face of War*, Svetlana Alexievich